

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin học phần

Tên học phần: Đồ án Kiến trúc dân dụng và công nghiệp

Mã học phần: 0101000910

Số tín chỉ: 1

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bố thời gian

| Tổng thời gian học của sinh viên | Giờ trên lớp | | | | Tổng thời gian học trên lớp và tự học |
|--|--------------|---|----|---|---------------------------------------|
| | L | T | P | O | |
| L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar | 0 | 0 | 30 | 0 | 30 + 30 = 60 |

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Kiến trúc dân dụng và công nghiệp

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Xây dựng, khoa Kiến trúc – Xây dựng & Môi trường.

2. **Thông tin về các giảng viên:** Giảng viên bộ môn Xây dựng, Khoa Kiến trúc Xây dựng & Môi trường

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

**Về kiến thức*

MT1: Hiểu và trình bày được các bộ phận tạo thành ngôi nhà, các cấu tạo chi tiết từng bộ phận công trình từ móng cho tới mái, từ đơn giản cho tới phức tạp của công trình dân dụng và công nghiệp.

MT2: Hiểu và phân tích được cách thiết kế cụ thể kiến trúc cho một công trình đầu tay, bao gồm việc qui hoạch tổng mặt bằng, mặt bằng các tầng, mặt cắt, mặt đứng các hướng.

***Về kỹ năng**

MT3: Ứng dụng các kiến thức của học phần vào nghiên cứu, phân tích được các liên kết và tác dụng của các bộ phận của một công trình dân dụng và công nghiệp.

MT4: Biết vẽ và vận dụng sáng tạo các chi tiết cấu tạo vào trong các bản vẽ kiến trúc và kết cấu công trình xây dựng.

MT5: Hình thành được kỹ năng phân tích, đánh giá, phản biện về phương án thiết kế, tính toán cho công trình dân dụng và công nghiệp.

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Vận dụng được những kiến thức phù hợp đã học để giải quyết các vấn đề về cấu tạo kiến trúc công trình xây dựng nhà, tạo sự yêu thích, đam mê trong học tập sẵn sàng giải quyết các vấn đề mới, thực tế về công trình xây dựng.

MT7: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng tự học, tự sáng tạo để giải quyết các công việc, các vấn đề trong học và nghiên cứu.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

| MÃ HP | TÊN HP | Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT | | | | | | | | |
|----------|---|---|------|------|------|------|------|------|------|-----|
| | | PO1 | PO2 | PO3 | PO4 | PO5 | PO6 | PO7 | PO8 | PO9 |
| 01600910 | Đồ án kiến trúc dân dụng và công nghiệp | 0 | 0 | 3 | 2 | 2 | 2 | 0 | 0 | 2 |
| | | PO10 | PO11 | PO12 | PO13 | PO14 | PO15 | PO16 | PO17 | |
| | | 0 | 1 | 1 | 2 | 1 | 1 | 0 | 1 | |
| | | | | | | | | | | |

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

| Mục tiêu HP | CDR của HP | Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được: | CDR của CTĐT |
|-------------------|------------|---|--------------------------|
| Kiến thức | | | |
| MT1 MT2 MT6 | CO1 | Trình bày được một cách hệ thống cấu tạo các bộ phận tạo thành ngôi nhà, các cấu tạo chi tiết từng bộ phận công trình từ móng cho tới mái, từ đơn giản cho tới phức tạp của công trình dân dụng và công nghiệp. | PO2, PO3, PO5, PO6, PO15 |
| MT1 | | Trình bày, phân tích được cách thiết kế cụ thể kiến trúc cho một công trình đầu tay, bao gồm việc qui | PO2, PO3, PO5, PO6, PO15 |

| | | | |
|---------------------------------------|-----|---|----------------------------|
| MT2 MT6 | CO2 | hoạch tổng mặt bằng, mặt bằng các tầng, mặt cắt, mặt đứng các hướng. | |
| MT1 MT6 | CO3 | Hiểu các kiến thức của học phần vào nghiên cứu, phân tích được các liên kết và tác dụng của các bộ phận của một công trình dân dụng và công nghiệp. | PO2, PO3, PO5, PO6, PO15 |
| Kỹ năng | | | |
| MT3 MT4 MT5 MT6 | CO4 | Biết vẽ và vận dụng sáng tạo các chi tiết cấu tạo vào trong các bản vẽ kiến trúc và kết cấu công trình xây dựng. | PO5, PO6, PO11, PO15, PO17 |
| MT3 MT5 | CO5 | Hình thành được kỹ năng phân tích, đánh giá, phản biện về phương án thiết kế, tính toán cho công trình dân dụng và công nghiệp. | PO5, PO6, PO11, PO15, PO17 |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | | | |
| MT1 MT2 MT5 MT6 | CO6 | Nhận thức được tầm quan trọng của môn học đồ án kiến trúc dân dụng và công nghiệp trong việc thiết kế và thi công công trình xây dựng, từ đó kiên trì học tập, yêu thích nghiên cứu, giải quyết các vấn đề về công trình nhà. | PO5, PO6, PO16, PO17 |
| MT6 MT7 | CO7 | Có năng lực làm việc độc lập và tinh thần hợp tác, chịu trách nhiệm trong làm việc nhóm. | PO16, PO17 |

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho SV những kiến thức cơ bản, quan trọng, để đi sâu vào giải quyết các vấn đề về kiến trúc các công trình dân dụng và công nghiệp. Môn học bao gồm các nội dung sau:

- Công trình có qui mô từ 5 đến 9 tầng (có thể là nhà biệt thự, nhà liền kề, trụ sở cơ quan, chung cư, . . . v. . v. , kết cấu bằng khung bê tông cốt thép, mái ngói hoặc mái bê tông cốt thép.
- Triển khai cấu tạo chi tiết các bộ phận công trình như: móng, sàn, tường, cửa, cầu thang, mái . . . v. . v. . .
- Trình bày trên khổ giấy A1, thể hiện tất cả các chi tiết cấu tạo kiến trúc của 1 công trình.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

| Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học | Mục đích | CDR của HP đạt được |
|--|---|---------------------|
| Diễn giảng | Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic. | CO1, CO2, CO3 |
| Đàm thoại, vấn đáp | Thông qua việc giải đáp giữa GV và SV để | CO1, CO2, CO3 |

| | | |
|--------------------|--|---|
| | giải quyết các nội dung kiến thức, bài toán trong môn học. | CO4, CO6, CO7 |
| Bài tập | Giúp cho SV áp dụng các kiến thức vào việc thiết kế, vẽ chi tiết cấu tạo từng bộ phận công trình, từ đó nắm vững kiến thức đã học và phát triển khả năng tự học và hợp tác học tập giữa các sinh viên. | CO4, CO5, CO6 CO7 |
| Nghiên cứu bài học | Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, rút ra kết luận. | CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7 |

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, nghe giảng, phát hiện vấn đề, nêu các câu hỏi, tham gia thảo luận, và đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lí thuyết, chuẩn bị, đọc trước giáo trình; hoàn thành các bài tập được giao.

- Bài tập: nghiên cứu, đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, và làm các bài tập, tham gia giải và sửa bài tập trên

- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp, và nghiên cứu giải các bài tập trong sách và bài tập giảng viên cho.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

9.1 Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

9.2 Hình thức, tiêu chí đánh giá và số trọng điểm

| TT | Hình thức | Trọng số (%) | Tiêu chí đánh giá | CDR của HP | Điểm tối đa |
|----|--------------|--------------|--|---|-------------|
| 1 | Chuyên cần | 10 | +Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học | CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7 | 10 |
| | | 10 | +Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng | CO1, CO2, CO3 CO4, CO5, CO6, CO7 | 10 |
| 2 | Thường xuyên | 30 | *Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. -Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể) *Các bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của | CO1, CO2, CO3 CO4, CO5, CO6, CO7 | 10 |

| | | | | | |
|---|------------------------|----|---|--|----|
| | | | giảng viên phụ trách giảng dạy. -Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, bài tập lớn (giảng viên nêu cụ thể) | | |
| 3 | Thi kết thúc HP | 50 | +Thi kết thúc học phần +Hình thức thi: Bài tập lớn +Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề | CO1, CO2, CO3 CO4, CO5, CO6, CO7 | 10 |

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Phan Tấn Hải - Võ Đình Diệp - Cao Xuân Lương, 2016, *Nguyên lý thiết kế cấu tạo các công trình kiến trúc* - NXB Xây dựng Hà Nội; (sách có trong thư viện thư viện, ĐH NCT)

[2] Bộ xây dựng – Trường Cao Đẳng Xây Dựng Số 1, 2013, *Giáo trình Cấu Tạo Kiến Trúc*, NXB Xây dựng, (sách có trong thư viện thư viện, ĐH NCT).

10.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Đặng Thị Phúc Tiên – Đỗ Thị Minh Phúc, 2011, *Giáo trình THIẾT KẾ KIẾN TRÚC NHÀ DÂN DỤNG*, NXB Xây dựng; (sách có trong thư viện thư viện, ĐH NCT).

[4] Bộ xây dựng – CT tư vấn xây dựng dân dụng VN , 2013, *Cấu tạo kiến trúc*, NXB Xây dựng; (sách có trong thư viện thư viện, ĐH NCT).

11. Nội dung chi tiết của học phần

| Tuần | Nội dung | Tài liệu | CDR của HP |
|------|---|--------------------------------|------------------|
| | PHẦN A: HƯỚNG DẪN ĐỒ ÁN | | |
| | Chương 1. Giao nhiệm vụ và chia nhóm cho các sinh viên (6 tiết) | | |
| 1 | Mỗi nhóm thực hiện 1 công trình riêng với nội dung vẽ chi tiết cấu tạo của công trình dân dụng hoặc công nghiệp: <ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo móng - Cấu tạo sàn - Cấu tạo tường - Cấu tạo cửa - Cấu tạo cầu thang - Cấu tạo mái - SV về nhà làm tự nghiên cứu hồ sơ trong | Sách [1], [2], [3], [4], | CO1, CO6, CO7 |

| | | | |
|----------|--|--------------------------------|--|
| | sách | | |
| | Chương 2. Triển khai vẽ chi tiết (12 tiết) | | |
| 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo móng - Cấu tạo sàn - Cấu tạo tường - SV thể hiện cấu tạo chi tiết của các cấu kiện như móng, sàn, tường, mỗi loại cấu kiện trên 1 giấy tờ A1 bao gồm các phối cảnh chi tiết (không bắt buộc) và các chi tiết cơ bản, được thể hiện bằng chương trình AutoCAD - SV về nhà làm tự nghiên cứu tài liệu trong sách | Sách [1], [2], [3], [4], | CO1, CO4, CO6, CO7 |
| | Chương 3: Triển khai vẽ chi tiết (12 tiết) | | |
| 4 | <ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo cửa - Cấu tạo cầu thang - Cấu tạo mái - SV thể hiện cấu tạo chi tiết của các cấu kiện như cửa, cầu thang, mái, mỗi loại trên 1 giấy tờ A1 bao gồm các phối cảnh chi tiết (không bắt buộc) và các chi tiết cơ bản, được thể hiện bằng chương trình AutoCAD - SV về nhà làm tự nghiên cứu hồ sơ trong sách | Sách [1], [2], [3], [4], | CO5, CO6, CO7 |
| | PHẦN B: DUYỆT BÀI (15 tiết) | | |
| 5 | Duyệt bài Thực hiện theo nhóm | | CO1, CO4, CO6, CO7 |
| 6 | Bảo vệ đồ án Thực hiện theo nhóm | | CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7 |

12. Cơ sở và thiết bị

Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).

Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

**KHOA KIẾN TRÚC – XÂY DỰNG &
MÔI TRƯỜNG**

BỘ MÔN KỸ THUẬT XÂY DỰNG